TRÍ TUỆ CẢM XÚC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

ThS. PHAN TRỌNG NAM
Trường Đại học Đồng Tháp

1. Đặt vấn đề

Trí tuệ cảm xúc - Emotional Intelligence (EI) là một vấn đề mới trong nghiên cứu tâm lí học cả về lí luận và thực tiễn. Các khả năng của EI được đánh giá thông qua chỉ số *Emotional Quotient* (EQ).

Khi nghiên cứu về EI của sinh viên (SV) Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP) Hà Nội chúng tôi quan niệm: "Trí tuệ cảm xúc của SV ĐHSP là những năng lực của SV ĐHSP về xúc cảm. Thể hiện ở khả năng nhận biết chính xác xúc cảm của bản thân và người khác; khả năng sử dụng xúc cảm để thúc đẩy tư duy; khả năng thấu hiểu nguyên nhân của xúc cảm; khả năng quản lí xúc cảm của bản thân và người khác trong các mối quan hệ giao tiếp cơ bản tồn tại trong các loại hình hoạt động cơ bản của người SV ĐHSP nhằm đạt được thành tích cao trong quá trình đào tạo ở trường sư phạm".

Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi đã sử dụng và xây dựng nhiều thang đo khác nhau để có thể đưa ra những nhận định khách quan, chính xác về EI của SV Trường ĐHSP Hà Nội.

2. Khách thể nghiên cứu và thời gian nghiên cứu

Phân bố khách thể nghiên cứu trực tiếp được thể hiện đầy đủ ở bảng 1.

Bảng 1: Phân bố khách thể nghiên cứu trực tiếp

Năm đào tạo	Toán học	Ngữ văn	Giáo dục mầm non	Tổng cộng
1	28	20	42	90
2	36	32	36	104
3	29	30	26	85
4	37	30	34	101
Tổng cộng	130	112	138	380

Khách thể gián tiếp là 101 giảng viên của 4 khoa: Toán Tin, Ngữ văn và Giáo dục mầm non và Tâm lí giáo dục.

Chúng tôi tiến hành nghiên cứu EI của SV Trường ĐHSP Hà Nội trong khoảng thời gian từ tháng 09 năm 2009 đến tháng 08 năm 2010.

3. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi đã sử dụng thang đo MSCEIT (Mayer Salovey Causo Emotional Intelligent Test)* để đo lường trí tuệ cảm xúc chung của SV Trường Đại học sư phạm Hà Nội.

Để đo lường những biểu hiện cụ thể về EI của SV trong quá trình đào tạo ở trường sư phạm chúng tôi xây dựng hệ thống bài tập đo nghiệm (BTĐN). Hệ thống BTĐN được hợp bởi 4 tiểu thang đo: Nhận thức xúc cảm; Sử dụng xúc cảm; Hiểu nguyên nhân xúc cảm; Kiểm soát xúc cảm trong quá trình đào tạo ở trường sư phạm của SV. Mỗi thang đo gồm có 15 câu hỏi. Mỗi câu hỏi có 4 phương án lựa chọn, trong đó có 1 lựa chọn đúng nhất được tính 3 điểm, các lựa chọn còn lại được tính 1 hoặc 2 điểm, có ít nhất 1 lựa chọn không được tính điểm.[3] Chúng tôi kí hiệu hệ thống BTĐN được tính điểm theo đáp án là: BTĐN-ĐA. Ngoài cách tính điểm theo đáp án, hệ thống BTĐN còn được tính điểm theo nguyên tắc đồng ý. Hệ thống BTĐN được tính điểm theo nguyên tắc đồng ý được kí hiệu là: BTĐN-ĐY.

Chúng tôi xây dựng một hệ thống bảng hỏi để SV tự đánh giá (TĐG) và giảng viên đánh giá về mức độ EI của SV ĐHSP Trường ĐHSP Hà Nội gồm có 12 câu hỏi. Hệ thống bảng hỏi bao gồm 4 tiểu thang đo: Nhận thức xúc cảm; Sử dụng xúc cảm; Hiểu nguyên nhân xúc cảm; Kiểm soát xúc cảm. Mỗi tiểu thang đo gồm có 3 câu hỏi. Mỗi câu hỏi được thiết kế để đo 3 mức độ cơ bản của EI: Biểu hiện rõ; Biểu hiện trung bình; Biểu hiện chưa rõ. Thang đo TĐG và đánh giá được tính điểm như sau: Biểu hiện rõ = 3 điểm; Biểu hiện trung bình = 2 điểm; Biểu hiện chưa rõ = 1 điểm.

Ngoài ra, chúng tôi còn thiết kế một hệ thống gồm có 15 câu hỏi để tìm hiểu về các yếu tố có ảnh hưởng đến EI của SV. Mỗi yếu tố ảnh hưởng đo 3 mức độ ảnh hưởng cơ bản: Ảnh hưởng nhiều; Ảnh hưởng vừa phải; Ít ảnh hưởng.

Dựa vào điểm trung bình (M) và độ lệch chuẩn (S) trong các thang đo về EI chúng tôi tiến hành

* MSCEIT: Thang đo trắc nghiệm trí tuệ cảm xúc của 3 tác giả Mayer, Solovey và Causo

phân loại mức độ EI của SV Trường ĐHSP Hà Nội như sau: Mức độ trung bình ứng với M; Mức độ thấp ứng với M - 1S; Mức độ rất thấp ứng với M - 2S; Mức độ cao ứng với M +1S; Mức độ rất cao ứng với M + 2S. Những SV không đủ điểm để được phân loại theo các mức độ trên sẽ bị phân loại vào nhóm "Sai".

Để đánh giá sự khác biệt về mức độ EI của SV theo năm, ngành đào tạo chúng tôi quyết định lựa chọn 3 tiêu chí sau đây: Điểm trung bình trắc nghiệm cao nhất (1); Tỉ lệ SV được phân loại vào nhóm cao trở lên (2); Tỉ lệ SV bị phân loại vào nhóm "Sai" (3) trong các thang đo MSCEIT và BTĐN để tiến hành phân hạng và cho điểm theo hạng về mức độ EI của SV theo năm, ngành đào tạo.

4. Kết quả nghiên cứu về mức độ EI của SV Trường ĐHSP Hà Nội

4.1. Kết quả chung về mức độ EI của SV Trường ĐHSP Hà Nội

Kết quả trắc nghiệm của SV Trường ĐHSP Hà Nội được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2: Kết quả trắc nghiệm của SV Trường ĐHSP Hà Nội

	MSCEIT	BTĐN-ĐA	BTĐN-ĐY	TĐG
Điểm trung bình	70,87	139,03	28,82	26,37
Độ lệch chuẩn	5,28	15,33	4,31	3,42
Điểm nhỏ nhất	53,812	91	15,8	16
Điểm lớn nhất	79,63	163	34,74	36
Độ tin cậy (95,0%)	0,53	1,55	0,44	0,34

Qua kết quả ở bảng 2 chúng tôi nhận thấy chỉ có ở thang đo TĐG thì mới có SV đạt điểm tuyệt đối. Như vậy, có sự khác nhau rất lớn giữa các kết quả điểm số theo thang đo MSCEIT, BTĐN với thang đo TĐG.Kết quả đánh giá của giảng viên về mức độ EI của SV Trường ĐHSP Hà Nội thu được như sau: M = 28,72; S = 3,22. Kết quả phân loại mức độ EI của SV theo đánh giá của giảng viên được thể hiện ở biểu đồ 1.

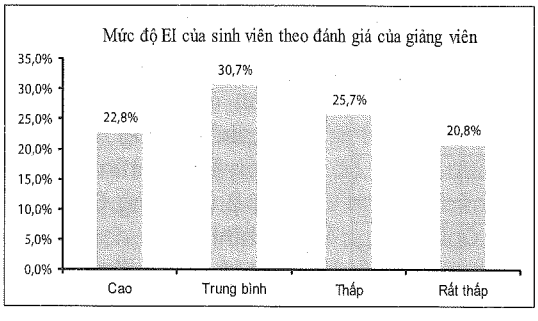

Biểu đồ 1: Mức độ EI của sinh viên theo đánh giá của giảng viên

Tiến hành so sánh điểm trung bình theo thang đo TĐG và đánh giá của giảng viên chúng tôi thu được t = 6,21 > 1,96. Chứng tỏ điểm trung bình theo thang đo TĐG và điểm trung bình theo đánh giá của giảng viên có khác nhau. Như vậy, không chỉ kết quả điểm số EI của SV thang đo TĐG khác với kết quả điểm số của các thang đo MSCEIT và BTĐN mà nó cũng khác với kết quả đánh giá của giảng viên. Điều này chứng tỏ SV chưa đánh giá chính xác về năng lực EI của bản thân.

Tương quan về mức độ EI của SV Trường ĐHSP Hà Nội theo các thang đo khác nhau được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3: Tương quan về mức độ EI của SV Trường ĐHSP Hà Nội

	MSCEIT	BTĐN-ĐA	BTĐN-ĐY	TĐG
MSCEIT	1			
BTĐN-ĐA	0,48	1		
BTĐN-ĐY	0,51	0,95	1	
TĐG	0,01	0,01	-0,01	1

Qua kết quả ở bảng 3 chúng tôi nhận thấy chỉ có kết quả của thang đo TĐG và thang đo BTĐN-ĐY có tương quan nghịch với nhau. Các kết quả còn lại đều có tương quan thuận với nhau, trong đó quan hệ chặt chẽ nhất xảy ra ở kết quả thang đo BTĐN-ĐA và thang đo BTĐN-ĐY.

Dựa vào kết quả của MSCEIT, chúng tôi nhận thấy năng lực điều khiển và quản lí cảm xúc của SV là yếu nhất. Còn theo kết quả BTĐN thì năng lực hiểu nguyên nhân xúc cảm và kiểm soát xúc cảm của SV là yếu nhất trong các năng lực EI của SV. Khi tự đánh giá về EI của bản thân SV cũng thừa nhận năng lực hiểu nguyên nhân xúc cảm và kiểm soát xúc cảm của mình còn yếu hơn năng lực nhận thức và sử dụng xúc cảm. Theo các giảng viên, thì năng lực kiểm soát xúc cảm của SV là năng lực yếu nhất trong các năng lực của EI của SV. Như vậy, qua kết quả trắc nghiệm của SV và ý kiến đánh giá của giảng viên chúng tôi khẳng định năng lực hiểu nguyên nhân xúc cảm và năng lực kiểm soát xúc cảm là 2 năng lực yếu nhất trong các năng lực EI của SV Trường ĐHSP Hà Nội.

Kết quả phân loại về mức độ EI của SV Trường ĐHSP Hà Nội được tổng hợp ở bảng 4.

Bảng 4: Kết quả phân loại mức độ EI của SV Trường ĐHSP Hà Nội

Mức độ EI	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Rất cao	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	9	2,37%
Cao	52	13,68%	27	7,11%	26	6,84%	58	15,26%
Trung bình	169	44,47%	211	55,53%	215	56,58%	121	31,84%
Thấp	104	27,37%	85	22,37%	84	22,11%	144	37,89%
Rất thấp	34	8,95%	25	6,58%	25	6,58%	39	10,26%
Sai	21	5,53%	32	8,42%	30	7,89%	9	2,37%
Tổng cộng	380	100%	380	100%	380	100%	380	100%

Từ kết quả ở bảng 2, 3, 4 và biểu đồ 1 chúng tôi đi đến nhận định có hơn một nửa SV Trường ĐHSP Hà Nội có mức độ EI từ mức trung bình trở lên. Có một số SV đánh giá chưa chính xác về mức độ EI của bản thân.

Khi đánh giá về các yếu tố ảnh hưởng đến EI của bản thân thì yếu tố thứ nhất "Nhu cầu nâng cao trí tuệ cảm xúc của bản thân"; yếu tố thứ 2 "Nhu cầu vận dụng trí tuệ cảm xúc vào trong quá trình học tập và nghề nghiệp sau này"; yếu tố thứ 5 "Tính tích cực học tập và rèn luyện để nâng cao trí tuệ cảm xúc cho bản thân". Đây là những yếu tố thuộc về chủ quan, có ảnh hưởng đến mức độ EI của sinh viên. Về yếu tố khách quan có 2 yếu tố, yếu tố thứ 10 "Khả năng đọc hiểu, điều khiển cảm xúc của bản thân và những người xung quanh từ phía gia đình" và yếu tố thứ 11 "Cách ứng xử phù hợp với cảm xúc của bản thân và những người xung quanh từ phía gia đình" được SV thừa nhận có ảnh hưởng nhiều nhất.

4.2. Sự khác biệt về mức độ EI của SV theo năm đào tạo

Kết quả phân hạng và cho điểm theo hạng về mức độ EI của SV theo năm đào tạo được thể hiện ở bảng 5.

Bảng 5: Kết quả phân hạng và cho điểm theo hạng về mức độ EI của SV theo năm đào tạo

Trắc nghiệm	Tiêu chí	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4		Tổng điểm
		Hạng	Điểm	Hạng	Điểm	Hạng	Điểm	Hạng	Điểm	
MSCEIT	1	1	4	2	3	4	1	3	2	10
	2	4	1	2	3	3	2	1	4	10
	3	1	4	2	3	4	1	3	2	10
BTĐN-ĐA	1	1	4	2	3	4	1	3	2	10
	2	3	2	4	1	1	4	2	3	10
	3	2	3	3	2	1	4	4	1	10
BTĐN-ĐY	1	2	3	1	4	4	1	3	2	10
	2	3	2	4	1	2	3	1	4	10
	3	3	2	2	3	1	4	4	1	10
Tổng điểm			25		23		21		21	90

Theo kết quả ở bảng 5 thì SV năm 1 có điểm theo thứ hạng cao nhất trong các năm đào tạo tại Trường ĐHSP Hà Nội. Qua đây chúng tôi cũng nhận thấy SV năm 1 luôn đạt được điểm trung bình cao nhất trong MSCEIT và BTĐN-ĐA. Mặc dù không có điểm theo thứ hạng cao nhưng SV năm 3 và SV năm 4 lại có tỉ lệ đạt điểm số được phân loại vào nhóm cao hơn so với SV năm 1 và năm 2.

Trong các kết quả so sánh về điểm số trung bình trong các thang đo về mức độ EI của SV Trường ĐHSP Hà Nội thì chỉ có cặp so sánh giữa năm 1 và năm 2 trong thang đo BTĐN-ĐA có t = 0,10 chứng tỏ việc phân hạng 1 cho năm 1 và hạng 2 cho năm 2 là tương đối. Còn các cặp so sánh khác trong tất cả các kết quả trắc nghiệm đều có t > 1,65, chứng tỏ việc phân hạng cho SV theo năm đào tạo ở tiêu chí 1 là khách quan, chính xác.

Kết quả so sánh tỉ lệ SV theo năm đào tạo được phân loại vào nhóm cao được thể hiện ở bảng 6.

Bảng 6: Kết quả so sánh tỉ lệ SV theo năm đào tạo được phân loại vào nhóm cao

	MSCEIT			BTĐN-ĐA			BTĐN-ĐY		
Năm	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 1	Năm 2	Năm 3
Năm 2	1,0			0,87			0,71		
Năm 3	0,86	0,11		0,86	1,74		2,70	3,36	
Năm 4	1,63	0,67	0,74	0,24	1,12	0,65	3,06	3,71	0,37

Kết quả ở bảng 6 cho thấy cặp so sánh SV năm 4 và SV năm 1 trong thang đo MSCEIT là cao nhất có t = 1,63 < 1,65. Kết quả này chứng tỏ chưa đủ cơ sở thống kê để khẳng định SV năm 4 có tỉ lệ được phân loại vào nhóm cao lớn hơn SV năm 1. Vì vậy, việc phân hạng trong thang đo MSCEIT là tương đối. Còn các cặp so sánh khác thì giữa hạng 1 và hạng 4 luôn có t > 1,65. Do đó việc phân hạng 1 và hạng 4 là tuyệt đối chính xác, còn hạng 2 và hạng 3 là tương đối chính xác.

Kết quả so sánh tỉ lệ SV theo năm đào tạo bị phân loại vào nhóm "Sai" được thể hiện ở bảng 7.

Bảng 7: Kết quả so sánh tỉ lệ SV theo năm đào tạo bị phân loại vào nhóm "Sai"

	MSCEIT			BTĐN-ĐA			BTĐN-ĐY		
Năm	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 1	Năm 2	Năm 3
Năm 2	0,12			0,12			0,23		
Năm 3	0,74	0,66		1,30	1,42		1,08	0,89	
Năm 4	0,17	0,05	0,61	0,46	0,36	1,70	0,65	0,91	1,68

Kết quả ở bảng 7 cho thấy việc phân hạng cho các năm đào tạo theo tỉ lệ SV bị phân loại vào nhóm "Sai" ở thang đo MSCEIT là tương đối bởi trong cặp so sánh năm 1 và năm 3 có t = 0,74 < 1,65 với kết quả này thì chưa đủ cơ sở thống kê để kết luận SV năm 1 có tỉ lệ "Sai" nhỏ hơn SV năm 3. Còn trong thang đo BTĐN-ĐA, BTĐN-ĐY thì việc phân hạng 1 cho SV năm 3 và hạng 4 cho SV năm 4 là chính xác tuyệt đối vì nó luôn nhận được t > 1,65 còn hạng 2 và 3 là tương đối chính xác.

Từ kết quả ở bảng 5, 6 và 7 chúng tôi khẳng định SV năm 1 có mức độ EI tốt nhất trong các năm đào tạo tại Trường ĐHSP Hà Nội.

4.3. Sự khác biệt về mức độ EI của SV theo ngành đào tạo

Kết quả phân hạng và cho điểm theo hạng về mức độ EI của SV theo ngành đào tạo được thể hiện ở bảng 8.

Bảng 8: Kết quả phân hạng và cho theo hạng về mức độ EI của SV theo ngành đào tạo

Trắc nghiệm	Tiêu chí	Toán học		Ngữ văn		Giáo dục mầm non		Tổng điểm
		Hạng	Điểm	Hạng	Điểm	Hạng	Điểm	
MSCEIT	1	2	2	3	1	1	3	6
	2	3	1	1	3	2	2	6
	3	3	1	2	2	1	3	6
BTĐN-ĐA	1	2	2	3	1	1	3	6
	2	3	1	1	3	2	2	6
	3	3	1	1	3	2	2	6
BTĐN-ĐY	1	3	1	2	2	1	3	6
	2	2	2	1	3	3	1	6
	3	3	1	1	3	2	2	6
Tổng điểm			12		21		21	54

Như vậy, căn cứ vào những tiêu chí chúng tôi đưa ra để đánh giá về mức độ EI và những kết quả thu được từ bảng 8 thì SV ngành Toán học có thứ hạng chưa cao bằng SV ngành Ngữ văn và Giáo dục mầm non. Mặc dù có tổng điểm theo thứ hạng như nhau nhưng giữa SV ngành Ngữ văn và SV ngành Giáo dục mầm non lại có những ưu thế khác nhau. SV ngành Giáo dục mầm non luôn dành được thứ hạng cao ở điểm trung bình cao nhất. SV ngành Ngữ văn lại có tỉ lệ được phân loại vào nhóm cao nhất trong các ngành đào tạo, và có tỉ lệ SV bị phân loại vào nhóm "Sai" nhỏ nhất trong các ngành đào tạo.

Qua kết quả so sánh điểm trung bình trong tất cả các thang đo về mức độ EI giữa các ngành đào tạo chúng tôi nhận thấy chỉ có t của cặp so sánh giữa Toán học và Giáo dục mầm non trong thang đo BTĐN-ĐA có t = 1,36 < 1,65 còn các cặp so sánh khác đều có t > 1,65, chứng tỏ việc phân hạng cho SV theo ngành đào tạo ở tiêu chí 1 là khoa học và khách quan.

Kết quả so sánh tỉ lệ SV được phân loại vào nhóm cao cho thấy, tất cả các cặp so sánh giữa các ngành đào tạo về tỉ lệ được phân loại vào nhóm cao trong các thang đo đều có t <1,65. Điều này chứng tỏ việc phân hạng và cho điểm theo hạng ở tiêu chí thứ 2 là chính xác ở mức tương đối.

Trong tất cả các cặp so sánh ở các thang đo về mức độ EI giữa các ngành đào tạo về tỉ lệ SV có điểm số bị phân loại vào nhóm "Sai" thì chỉ có cặp so sánh giữa ngành Ngữ văn và Toán học trong thang đo BTĐN-ĐA có t = 1,70. Điều này nói lên rằng chỉ có việc phân hạng 1 cho ngành Ngữ văn và hạng 3 cho ngành Toán học trong thang đo BTĐN-ĐA là tuyệt đối chính xác, còn các thứ hạng khác là tương đối chính xác. Vì vậy, việc phân hạng theo tiêu chí thứ 3 là tương đối chính xác.

Như vậy, căn cứ vào kết quả phân hạng ở bảng 8 và kết quả so sánh điểm số trung bình và so sánh tỉ lệ SV được phân loại vào nhóm cao và tỉ lệ SV bị phân loại vào nhóm "Sai" giữa các ngành đào tạo trong các thang đo chúng tôi khẳng định SV ngành Toán học có mức độ EI chưa tốt bằng SV ngành Ngữ văn và Giáo dục mầm non.

5. Kết luận và kiến nghị

- Qua việc phân tích kết quả về mức độ EI của SV Trường ĐHSP Hà Nội chúng tôi nhận thấy mới hơn một nửa SV có mức độ EI từ trung bình trở lên, đây là một kết quả chưa cao.

- Trong các năng lực EI của SV được bộc lộ qua các thang đo MSCEIT, BTĐN-ĐA, BTĐN-ĐY, TĐG và đánh giá của giảng viên thì năng lực hiểu nguyên nhân và kiểm soát xúc cảm của SV là yếu nhất trong các năng lực EI của SV. Do vậy, khi tổ

(Xem tiếp trang 49)